TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 2 – CAO BẰNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2026/HNGĐ-ST
Ngày 21 tháng 8 năm 2026.
"Về việc: Yêu cầu ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - CAO BẰNG

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán- Chủ toạ phiên toà:* Bà Hoàng Thị Thúy.
- *Các Hội thẩm nhân dân gồm*: Ông Bế Văn Hạnh và bà Hoàng Thị Gấm.
- *Thư ký ghi biên bản phiên toà*: Bà Hoàng Phương Thảo - Thư ký Tòa án.

Ngày 21 tháng 8 năm 2026 tại Trụ sở Toà án nhân dân Khu vực 2 - Cao Bằng xét xử công khai sơ thẩm vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 52/2026/TLST - HNGĐ ngày 07 tháng 5 năm 2026 về việc " Yêu cầu ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 106/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 8 năm 2026 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* **Tô Văn H** - Sinh năm 1985;

Nơi thường trú: Tổ A phường N, tỉnh Cao Bằng.

Căn cước công dân số: 0040850089xx; cấp ngày 18/3/2025; Nơi cấp: Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội Bộ C1.

Có đơn đề nghị xét xử quyết vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Người bảo về quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Bà Hà Thị B – Luật sư của Văn phòng L, tỉnh Cao Bằng. Có mặt tại phiên tòa.

- *Bị đơn:* **Đàm Thị H1** - Sinh năm 1985;

Nơi thường trú: Xóm K, xã B, tỉnh Cao Bằng

Căn cước công dân số: 0041850046xx; cấp ngày 21/3/2025; Nơi cấp: Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội Bộ C1.

Có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện về việc xin ly hôn đề ngày 22 tháng 4 năm 2026 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn Tô Văn H trình bày:*

Tôi kết hôn với bà Đàm Thị H1 trên cơ sở tự do, tự nguyện tìm hiểu, có tổ chức lễ cưới ở hai bên gia đình, có đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện P (nay là UBND xã B), tỉnh Cao Bằng. Sau khi cưới, thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. C sống lâu ngày bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, ban đầu chỉ là những xích mích nhỏ trong cuộc sống, nhưng càng ngày chúng tôi càng không hiểu nhau, vợ chồng

không có tiếng nói chung, đến nay đã bỏ mặc và không còn quan tâm đến nhau. Chúng tôi đã ly thân từ giữa năm 2022 cho đến nay và gần như không còn liên lạc với nhau nữa. Tôi xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể tiếp tục nên yêu cầu được ly hôn với bà Đàm Thị H1.

Về con chung: Không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Quá trình giải quyết vụ án bị đơn Đàm Thị H1 có ý kiến như sau:*

Tôi kết hôn với anh Tô Văn H trên cơ sở tự do, tự nguyện tìm hiểu, có tổ chức lễ cưới ở hai bên gia đình và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Q (nay là Ủy ban nhân dân xã B), tỉnh Cao Bằng.

Tại thời điểm phát sinh mâu thuẫn hai vợ chồng không tìm được tiếng nói chung. Anh H là bộ đội do công tác xa nhà không về thăm gia đình, chặn hết cách liên lạc với vợ, cắt đứt hoàn toàn liên lạc. Bản thân tôi khác về thăm bố mẹ, anh H về nhà thì đi chơi, không nói chuyện với vợ một thời gian dài và sống ly thân từ khoảng năm 2023. Tôi không nhất trí ly hôn với anh H do bản thân tôi xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, nếu ly hôn tôi phải làm lại các hồ sơ lý lịch, tôi lựa chọn kết hôn chỉ một lần. Trong trường hợp anh H vẫn kiên quyết xin ly hôn và vợ chồng phải ly hôn thì tôi yêu cầu anh H phải bồi thường đền bù tuổi xuân cho tôi với số tiền là 500.000.000đ (Năm trăm triệu đồng) để tôi làm nhà, trang trải cuộc sống sau ly hôn.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

** Ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn*:

Vợ chồng anh H và chị H1 đã sống ly thân từ giữa năm 2022, từ đó đã bỏ mặc và không còn quan tâm tới nhau nữa. Do đó, mâu thuẫn giữa anh H và chị H1 đã trầm trọng và mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Tô Văn H. Đối với ý kiến của chị H1 về việc yêu cầu anh H phải bồi thường đền bù tuổi xuân cho chị H1 số tiền là 500.000.000đồng là không có căn cứ để chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn yêu cầu giải quyết ly hôn, bị đơn có nơi đăng ký thường trú tại xã B, tỉnh Cao Bằng nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 2-Cao Bằng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn Tô Văn H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, căn cứ Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh H.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy, anh Tô Văn H và chị Đàm Thị H1 kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện P (nay là UBND xã B), tỉnh Cao Bằng vào ngày 08/01/2013, là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn, thời gian đầu vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc, sau đó thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn theo anh H là do vợ chồng không hiểu nhau, không có tiếng nói chung, vợ chồng đã ly thân từ khoảng giữa năm 2022 và gần như không còn liên lạc. Anh H xác định tình cảm vợ chồng không còn và yêu cầu được ly hôn. Còn theo chị H1, thời điểm phát sinh mâu thuẫn hai vợ chồng không tìm được tiếng nói chung. Anh H là bộ đội do công tác xa nhà không về thăm gia đình, chặn hết cách liên lạc với vợ, cắt đứt hoàn toàn liên lạc, anh H về nhà thì đi chơi, không nói chuyện với vợ và sống ly thân từ khoảng năm 2023. Chị H1 không nhất trí ly hôn với anh H do xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, nếu ly hôn chị H1 phải làm lại hồ sơ lý lịch.

Xét thấy, mâu thuẫn giữa anh Tô Văn H và chị Đàm Thị H1 đã diễn ra một thời gian dài, vợ chồng đã sống ly thân từ khoảng năm 2022, 2023 cho đến nay và không còn quan tâm đến nhau nữa. Theo quy định tại khoản 3 Điều 4 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 hướng dẫn: *"Hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được" là thuộc một trong các trường hợp sau đây:*

a) Không có tình nghĩa vợ chồng, ví dụ: vợ, chồng không thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau; vợ, chồng sống ly thân, bỏ mặc vợ hoặc chồng".

Do đó, có căn cứ để xác định hôn nhân giữa anh H và chị H1 đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của anh Tô Văn H, cho anh H được ly hôn với chị Đàm Thị H1.

[3] Về con chung: Hai bên xác nhận không có

[4] Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Đối với yêu cầu của chị Đàm Thị H1 về việc yêu cầu anh H phải có trách nhiệm bồi thường đền bù tuổi xuân cho chị H1 với số tiền là 500.000.000đ (năm trăm triệu đồng). Xét thấy, đây là yêu cầu phản tố của bị đơn, được đưa ra tại phiên tòa. Căn cứ khoản 3 Điều 200 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết; mặt khác vấn đề này cũng không được Luật Hôn nhân và gia đình quy định.

[7] Về án phí: Anh Tô Văn H phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227, Điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho anh Tô Văn H được ly hôn với chị Đàm Thị H1.

2. Về con chung, nợ chung: Anh H và chị H1 xác nhận không có

3. Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận, không có yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Anh Tô Văn H phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đồng, được khấu trừ vào số tiền 300.000đồng tạm ứng án phí anh H đã nộp theo biên lai số 0000295 ngày 07/5/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Cao Bằng. Anh H đã nộp đủ tiền án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
-Tòa án tỉnh CB;
-VKS tỉnh CB;
-VKS KV2-CB;
- THADS KV2-CB;
- Các đương sự;
- UBND xã B;
- L- u HS, AV.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Hoàng Thị Thúy